TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2019/DS-PT
Ngày 14 tháng 8 năm 2019
"V/v tranh chấp chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công
Các thẩm phán: Ông Đặng Văn Thành
Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẫn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 374/2017/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về *"Tranh chấp chia tài sản chung"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1020/2017/DS-ST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1481/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1962 – Có mặt;

Địa chỉ: 94/17/1 Hồ Văn Tư, Khu phố 2, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Bá Học, sinh năm 1983 – Có mặt;

Trú 45 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 17, quận B, Thành phố H – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (Quyết định số 364/QĐ-TGPL ngày 06/7/2015).

2. Bị đơn: Cụ Triệu Thị H, sinh năm 1957 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số 6 Tân Lập 2, Khu phố 3, phường Hiệp Phú, Quận 9, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của cụ Triệu Thị H: Ông Huỳnh Tiến S, sinh năm 1960 – Có mặt;

Trú 81/8/Quốc lộ 1K, Khu phố 2, phường Linh Xuân, quận T, Thành phố H (Văn bản ủy quyền số 015958 ngày 24/7/2017).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố H – Vắng mặt;

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1960 – Có mặt;

Địa chỉ: Số 26, Tổ 1, Khu phố 3, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H.

3.3. Bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1971 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 330 Springton Way, thành phố Lancaster, tiểu bang P, Hoa Kỳ.

3.4. Ông Cao Quỳnh C, sinh năm 1977 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 94/17/1 Hồ Văn Tư, Khu phố 2, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu H1 và ông Cao Huỳnh C: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T (Văn bản ủy quyền ngày 24/7/2015 và ngày 28/7/2015) – Có mặt.

3.5. Ông Trần Phương L, sinh năm 1980 – Vắng mặt;

Địa chỉ: 94/17/2 Hồ Văn Tư, Khu phố 2, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Phương L: Bị đơn cụ Triệu Thị H (Văn bản ủy quyền số 12898 lập ngày 18/11/2015) – Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn cụ Triệu Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2014 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Căn nhà số 94/17/2 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H diện tích khuôn viên 45 m^2, diện tích nhà 39,8 m^2 thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18 (Tài liệu 2005) được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số AG 710188, số vào sổ H06786 ngày 28/12/2006, giá trị khoảng 700.000.000 đồng có nguồn gốc của ông bà cố ngoại của bà tên là Trần Văn L1 và Phạm Thị T1 sau khi qua đời để lại cho ông ngoại của bà là cố Trần Văn T2. Cố T2 kết hôn với cố Huỳnh Thị B sinh được một người con duy nhất là mẹ của bà là cụ Trần Thị N. Cụ N chung sống với cụ Nguyễn Văn N1 có 05 người con gồm: Nguyễn Kim X, Nguyễn Thị Lệ T, Trần Văn Đ (chết năm 2011 – không vợ con), Nguyễn Thị Thu H1 và Cao Quỳnh C. Sau khi ông bà cố ngoại của bà chết thì cố T2

đưa cố Triệu Thị T3 về sống chung nên cố B đau buồn bỏ nhà đi. Cố T có con riêng là cụ Triệu Thị H (Cha cụ H là cố Phạm Văn B1). Quá trình cố T2 chung sống với cố T3 không có con chung và cũng không có tạo lập tài sản gì khác. Về sau, cố B chết (không nhớ năm nào). Đến ngày 04/01/1983 thì cụ N chết. Ngày 01/9/1988 thì cố T2 chết. Sau đó thì mẹ con cố T3 cũng bỏ nhà đi mang theo toàn bộ giấy tờ có liên quan đến căn nhà nêu trên. Do mẹ con cố T3 bỏ đi nên chị em của bà đến tiếp nhận ngôi nhà làm nơi thờ cúng ông bà cho đến nay. Tuy nhiên, gần đây cụ H quay về cho rằng ngôi nhà nêu trên là của cụ H nên cụ H đòi lấy nhà để xây nhà trọ cho con trai là ông Trần Phương L để sử dụng. Gia đình chị em bà không đồng ý vì chính các chị em bà mới là người thừa kế thế vị tài sản do họ tộc để lại, còn cụ H là người dưng, không có quan hệ bà con gì với cố T2.

Bà Nguyễn Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xác định căn nhà nêu trên là tài chung của các chị em bà được hưởng thừa kế thế vị từ mẹ của bà là cụ N và buộc cụ H trả lại căn nhà nêu trên cho các anh chị em của bà.

Tại Bản tự khai ngày 09/7/2015 và các lời khai tiếp theo, bị đơn cụ Triệu Thị H trình bày:

Từ năm 1959 đến năm 1971, vợ chồng cố Trần Văn T2 – Triệu Thị T3 cùng con là Triệu Thị H khai hoang, lập nghiệp với tổng diện tích 100 m^2, sau đó xây dựng nhà cấp 4 diện tích 45 m^2. Tháng 4 năm 1971 gia đình cụ Trần Thị N cùng các con là: Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Thị Thu H1 từ Quận 3 chuyển về chung sống với cố T2, cố T3 và cụ H tại căn nhà trên (Nhà số 4, ấp Linh Đông, xã Linh Đông, quận T) trong mảnh đất 100 m^2.

Khoảng năm 1972, cố T2 xây dựng căn nhà khác trong mảnh đất chung cho cụ N với diện tích khoảng 70 m^2 (Sau đó, em bà T là ông Trần Văn Đ bán cho ông Trương Thế V khoảng 20 m^2, phần còn lại diện tích 47,6 m^2 thì bà T sử dụng đến nay và được cấp số nhà 94/17/1 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận T).

Phần cố T2, cố T3, cụ H cùng chung sống tại căn nhà 94/17/1 Hồ Văn Tư với diện tích khoảng 45 m^2. Năm 1988, cố T2 bệnh chết, mẹ con cụ H là người chăm sóc, ma chay cho cố T2. Năm 1990, do em bà T luôn gây hấn với mẹ con cụ, sợ xảy ra chuyện không hay nên cụ cùng các con chuyển ra sống tại số 6 Tân Lập, phường Hiệp Phú, Quận 9, chỉ còn cố T3 và con trai lớn của cụ H là Trần Phương L ở lại căn nhà nêu trên. Năm 1994, cố T3 bệnh chết, sau đó cụ H làm thủ tục kê khai di sản và xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất nêu trên.

Cụ Trần Thị H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện vì đã hết thời hiệu khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Thu H1, Cao Quỳnh C đều trình bày: Nhất trí yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Phương L ủy quyền cho cụ Triệu Thị H nêu ý kiến của cụ H cũng là ý kiến của ông L.

Tại văn bản số 2722/UBND-TNMT ngày 29/6/2017 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận T trình bày: Căn nhà số 94/17/2 Hồ Văn Tư, Khu phố 2, phường Trường Thọ có nguồn gốc là do cố Trần Văn T2 và cố Triệu Thị T3 xây dựng năm 1930 trên đất của ông Trương Thế K cho lại cùng năm 1930. Năm 1988, cố T2 chết, vợ là bà T3 tiếp tục sử dụng. Theo xác nhận ngày 20/10/2005 của Ủy ban nhân dân phường Trường Thọ thì nhà, đất không có tranh chấp. Căn cứ khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 710188 ngày 28/11/2006 cho cụ Triệu Thị H là đại diện thừa kế của cố Trần Văn T2 (chết năm 1988), cố Triệu Thị T3 (chết năm 1994) công nhận diện tích 45 m^2. Ủy ban nhân dân quận T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1020/2017/DSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 275, khoản 3 Điều 265 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà T.

Xác định căn nhà số 94/17/2 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H là tài sản chung chưa chia của cố Trần Văn T2, cố Huỳnh Thị B và cố Triệu Thị T3.

Bà Nguyễn Thị Lệ T, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Thu H1, ông Cao Quỳnh C được nhận phần tài sản thừa kế thế vị của cụ N – con cố T2 tính thành tiền là 500.000.000 đồng.

Cụ H được nhận tài sản của cố T3 tính thành tiền 500.000.000 đồng.

Trong trường hợp bà T, bà H không có điều kiện hoàn trả giá trị phần tài sản cho bên thụ hưởng để nhận trọn vẹn căn nhà trên thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền có quyền phát mãi căn nhà trên để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/8/2017, bị đơn cụ Triệu Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Huỳnh Tiến S giữ nguyên kháng cáo của cụ Triệu Thị H đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận nhà đất tranh chấp cho cụ H. Trong

quá trình xét xử sơ thẩm, cụ H không có đơn phản tố yêu cầu công nhận nhà đất tranh chấp cho cụ H.

Bà Nguyễn Thị Lệ T và Nguyễn Thị Kim X không đồng ý kháng cáo của cụ Triệu Thị H. Yêu cầu cụ H trả nhà đất tranh chấp cho các bà vì cụ H là người dưng, không có bà con, quan hệ máu mủ gì với cố Trần Văn T2.

Luật sư Trần Bá Học đề nghị xem xét khi cố T3 về ở chung với cố T2 thì đã có nhà đất mà hiện nay đang tranh chấp rồi nên Tòa án sơ thẩm xác định nhà đất tranh chấp là tài sản chung của 3 người gồm cố Trần Văn T2, cố Huỳnh Thị B và cố Triệu Thị T3 để chia tài sản chung là sai. Khi kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, cố T3 khai là người thừa kế duy nhất của cố T2 mà không khai chị em của bà Nguyễn Thị Lệ T là người thừa kế thế vị của cụ Trần Thị N là không đúng. Đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, công nhận nhà đất tranh chấp là tài sản chung của anh chị em bà Nguyễn Thị Lệ T.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo hợp lệ. Về nội dung đề nghị xem xét Bản án sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đã hết và chuyển sang chia tài sản chung là không đúng. Chính từ việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp sai dẫn đến áp dụng pháp luật để giải quyết cũng sai, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Bản án sơ thẩm giải quyết nhưng không giao nhà đất tranh chấp cho ai, dẫn đến không thi hành án được. Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của cụ Triệu Thị H trong thời hạn luật định, đảm bảo hình thức, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn nhà tọa lạc trên thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 45 m^2 tại số 94/17/2 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H đang tranh chấp do cụ Triệu Thị H được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 710188, số vào sổ H 06786 ngày 28/11/2006.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T cho rằng căn nhà số 94/17/2 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H là của cố Trần Văn T2, cố T2 chỉ có một người con duy nhất là cụ Trần Thị N (mẹ của bà), nên yêu cầu Tòa án công nhận nhà và đất nêu trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của các anh chị em của nguyên đơn do

được hưởng thừa kế thế vị của cụ Trần Thị N. Cố Triệu Thị T3 và cụ Triệu Thị H là người dưng, không có quan hệ máu mủ gì với cố Trần Văn T2.

Bị đơn cụ Triệu Thị H trình bày cố Trần Văn T2 – Triệu Thị T3 và cụ Triệu Thị H khai hoang lập nghiệp khoảng 100 m^2. Đến khoảng năm 1972 thì cố T2 cất cho cụ Trần Thị N (mẹ của bà Nguyễn Thị Lệ T) căn nhà khác (nay là nhà số 94/17/1 Hồ Văn Tư), còn cố T2, cố T3 và cụ H vẫn ở trong căn nhà và đất tranh chấp (nay là nhà số 94/17/2 Hồ Văn Tư) nên không đồng ý khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Cố Trần Văn T2 và cố Huỳnh Thị B có một con chung là cụ Trần Thị N (mẹ của bà Nguyễn Thị Lệ T). Sau đó cố Trần Văn T2 chung sống với cố Triệu Thị T3 và con riêng của cố T3 là cụ Triệu Thị H.

Cố Trần Văn T2 chết năm 1988, cố Huỳnh Thị B chết trước khi cố Trần Văn T2 chết nhưng không rõ ngày tháng năm, cố Triệu Thị T3 chết năm 1994, cụ Trần Thị N chết năm 1983.

Theo Tờ khai gia đình ngày 26/10/1970 thì cố Trần Văn T2 đứng tên Gia Trưởng nhà số không rõ/4, liên gia 17 Khu C, ấp Linh Đông, xã Linh Đông, quận T, tỉnh G. Tại Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 942933 CN ngày 10/3/1982 do cố Trần Văn T2 đứng tên chủ hộ nhà số 67, ấp 7, Thị trấn, huyện T, Thành phố H *(Nay là nhà số 94/17/2 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H đang tranh chấp),* trong hộ có: Trần Văn T2, Triệu Thị T3, Triệu Thị H, Trần Phương L, Trần Thị Ngọc Đ1, Trần Ngọc T4. Tại Giấy chứng nhận hộ khẩu thường trú số 946603 CN ngày 10/3/1982 do cụ Trần Thị N đứng tên chủ hộ nhà số 68, ấp 7, Thị trấn, huyện T, Thành phố H *(Nay là nhà số 94/17/1 Hồ Văn Tư, phường Trường Thọ, quận T, Thành phố H)*, trong hộ có: Trần Thị N, Nguyễn Thị Kim X, Nguyễn Thị Lệ T, Trần Văn Đ, Nguyễn Thị Thu H1, Cao Huỳnh C, Nguyễn Kim P, Nguyễn Kim H2, Nguyễn Kim N1 và Nguyễn Kim N2.

[4] Tại điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thì *"Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này"*. Như vậy, kể từ ngày 01/01/2017 thì Tòa án áp dụng quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu đối với trường hợp thời điểm mở thừa kế trước ngày 01/01/2017. Do đó, thời hiệu khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế của cố Trần Văn T2 vẫn còn; đồng thời, các bên đương sự có tranh chấp về người thừa kế và không có văn bản thừa nhận nhà đất tranh chấp là di sản do cụ T2 để lại chưa chia theo quy định tại điểm a, tiểu mục 2.4, mục 2 Phần 2 Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nhưng Bản án sơ thẩm lại xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản đã hết nên chưa thu thập chứng cứ để xác

định di sản của cố Trần Văn T2 gồm những gì và xác định nhà đất tranh chấp là di sản chung chưa chia là không đúng, vi phạm thủ tục tố tụng trong việc xác định thời hiệu và quan hệ pháp luật tranh chấp, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Lời khai của các bên đương sự vẫn còn mâu thuẫn nhau về nguồn gốc của nhà đất đang tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ để xác định tài sản đang tranh chấp được hình thành trong thời gian cố T2 chung sống với cố B hay là được hình thành trong thời gian cố T2 chung sống với cố T3; đồng thời cố Huỳnh Thị B đã chết trước khi cố T2 chết và đã bỏ đi khi cố T2 chung sống với cố T3 nhưng Bản án sơ thẩm xác định nhà đất đang tranh chấp là tài sản có trong thời kỳ hôn nhân của cố T2 với cố B, cố T3 là chưa có căn cứ vững chắc.

Do việc thu thập chứng cứ chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thực hiện bổ sung được và có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm không giao nhà đất cho bên nào, mà chỉ tuyên: *"Trong trường hợp bà T, bà H không có điều kiện hoàn trả giá trị phần tài sản cho bên thụ hưởng để nhận trọn vẹn căn nhà trên thì cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền có quyền phát mãi căn nhà trên để đảm bảo thi hành án"*. Cách tuyên án như trên là không rõ ràng, gây khó khăn cho việc thi hành án.

[5] Cụ Triệu Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 1020/2017/DSST ngày 09/8/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố H và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Thành phố H giải quyết lại vụ án.

3. Cụ Triệu Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 00047633 ngày 08/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM ;
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- VKSND Thành phố H;
- Cục THADS Thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công